

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **193/2019/DS-ST**

Ngày: 04-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thái Hoàn Xanh

2/ Bà Hạp Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 381/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Vũ Đức V, sinh năm: 1980

2. Bà Nguyễn Thị Châu L, sinh năm: 1984

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 98 đường Đ, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà L: Bà Trịnh Thị H, sinh năm: 1985 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 00019756, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/9/2018)

- Bị đơn: 1. Ông Hoàng Minh T, sinh năm: 1981 (vắng mặt)
- 2. Bà Phạm Khả Tổ U, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 14 đường Đ, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L do bà Trịnh Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong quá trình làm ăn, sinh sống vợ chồng ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L có quen biết với vợ chồng ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tổ U. Vợ chồng ông V, bà L đã nhiều lần cho vợ chồng ông T, bà U vay tiền và được trả đúng hẹn.

Ngày 11/3/2017 ông V, bà L có đưa cho ông T, bà U số tiền là 150.000.000 đồng là tiền hùn với ông T, bà U mua xe tải 1,8 tấn khi nhận tiền ông T, bà U có ký giấy giao nhận tiền với ông V, bà L. Theo như nội dung của giấy giao nhận tiền nêu trên thì lãi suất hàng tháng sẽ tính với ông V, tính lãi từ ngày 11/3/2017.

Để chắn chắn, ngày 16/3/2017 ông V, bà Long và ông T, bà U có ký Hợp đồng vay tiền có số công chứng là 00003765, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ địa chỉ số 967 đường L, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 18 tháng (kể từ ngày 16/3/2017)
- Mục đích vay: Kinh doanh

Hợp đồng không quy định lãi suất.

Qua tìm hiểu ông V, bà L được biết ông T, bà U sử dụng số tiền không đúng mục đích vay, không cho chí thú làm ăn, đến ngày 17/9/2018 là hết thời hạn vay tuy nhiên ông T, bà U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông V, bà L mặc dù trước đó ông V, bà L đã nhiều lần tìm gặp và nhắc nhở ông T, bà U.

Ngày 18/9/2018 ông V, bà L tiếp tục tìm gặp ông T, bà U để yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà U không trả nợ mà còn có thái độ to tiếng, thách thức ông V, bà L.

Vi vậy, nay ông V, bà L khởi kiện, yêu cầu ông T, bà U phải hoàn trả cho ông V, bà L số tiền 150.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Ông V, bà L yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để cho các đương sự giải quyết tranh chấp trên, nhưng do bị đơn ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn là ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L do bà Trịnh Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu như trên.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

- Đại diện VKS nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U có nghĩa vụ thanh toán số tiền 150.000.000 đồng cho ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U cư ngụ tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U: Do ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U.

2/ Về yêu cầu của đương sự:

Xét Hợp đồng vay tiền, giấy giao nhận tiền được lập giữa nguyên đơn và bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy nội dung Hợp đồng vay tiền có ghi thời hạn thanh toán là 18 tháng (kể từ ngày công chứng là ngày 16/3/2017), do đến hạn trả tiền mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, phía nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn yêu cầu trả nợ nhưng phía bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Xét việc nguyên đơn yêu cầu ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng:*

Xét giấy giao nhận tiền được lập ngày 11/3/2017 giữa ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L với ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U thể hiện:

Ngày 11/3/2017 ông V, bà L có đưa cho ông T, bà U số tiền là 150.000.000 đồng là tiền hùn với ông T, bà U mua xe tải 1,8 tấn, lãi suất hàng tháng sẽ tính với ông V, tính lãi từ ngày 11/3/2017.

Xét Hợp đồng vay tiền có số công chứng là 00003765, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/3/2017 giữa ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L với ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U có nội dung:

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn vay: 18 tháng (kể từ ngày công chứng); Mục đích vay: Kinh doanh; Hợp đồng không quy định lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U hoàn trả số nợ nêu trên là hoàn toàn có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về thời hạn thanh toán nợ: Xét việc ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U đã vay tiền ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L đã lâu nhưng không thanh toán nợ, nên việc ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L yêu cầu ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tố U trả nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tô U phải chịu số tiền án phí trên số nợ phải trả cho ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L là 7.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0011954 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L:

Buộc ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tô U có trách nhiệm hoàn trả cho ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Minh T và bà Phạm Khả Tô U phải chịu số tiền án phí trên số nợ phải trả cho ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị Châu L số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011954 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền và nghĩa vụ thi hành án :

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh